

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2025/HNGĐ-ST
Ngày 28 – 8 – 2025
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Trọng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hùng và ông Châu Trung Trực

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cà Mau.

Ngày 28 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 06/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Bùi Đan T, sinh năm 2000; địa chỉ cư trú: Ấp RD, xã HM, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Phan Thanh T, sinh năm 2002; địa chỉ cư trú: Ấp CR, xã LTT, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của anh T trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:*

Anh T và chị T chung sống năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm không thể hàn gắn, hiện tại đã sống ly thân từ năm 2023. Nay anh T xác định không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống nên yêu cầu được ly hôn với chị T.

Quá trình chung sống anh và chị T có 01 con chung tên Bùi Phan Minh K, sinh ngày 10/3/2023. Khi ly hôn anh T yêu cầu giao Minh K cho chị T nuôi dưỡng, anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung: Anh T yêu cầu được tự thỏa thuận phân chia với chị Thảo, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ: Anh T xác định anh với chị T không có nợ ai, người khác không ai nợ lại anh chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn chị Phan Thanh T*: Toà án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến chị T để chị biết được yêu cầu khởi kiện của anh T nhưng chị T không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của anh T và không tham gia hoà giải, xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh có đơn xin xét xử vắng mặt; chị đã được Toà án triệu tập tham gia phiên toà sơ thẩm lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định.

[2] Về nội dung: Anh T và chị T chung sống có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Anh T xác định tình trạng hôn nhân của anh, chị đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được và không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống nên anh yêu cầu được ly hôn với chị T.

Xét yêu cầu ly hôn của anh T thấy rằng, anh T yêu cầu ly hôn nhưng qua các lần triệu tập hòa giải, xét xử chị T đều vắng mặt không có lý do, thể hiện việc chị T không có thiện chí hòa giải, hàn gắn, cho thấy tình trạng hôn nhân của anh, chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của anh T, cho anh T ly hôn với chị T là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu về con chung của anh T thấy rằng: Anh T cho rằng hiện nay cháu Bùi Phan Minh K đang sống cùng chị T, Minh K còn dưới 36 tháng tuổi nên việc anh T yêu cầu được tiếp tục giao con cho chị T tiếp tục nuôi là phù hợp; chị T không có ý kiến gì về vấn đề này. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T, giao Minh K cho chị T trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi Minh K đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con anh T tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi Minh K đủ 18 tuổi, chị T không có ý kiến gì về vấn đề này nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của anh T.

Về tài sản chung: Anh T yêu cầu được tự thỏa thuận phân chia với chị T, không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị T không có ý kiến về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ: Anh T xác định không có, chị T không có ý kiến gì về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì T phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng. Án phí cấp dưỡng nuôi con anh T phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Đan T.
 - Về hôn nhân: Cho anh Bùi Đan T được ly hôn với chị Phan Thanh T.
 - Về con chung: Giao Bùi Phan Minh K, sinh ngày 10/3/2023 cho chị Phan Thanh T tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi Minh K đủ 18 tuổi. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi Minh K đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị Phan Thanh T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Bùi Đan T chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng, thì hàng tháng anh T còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

Anh Bùi Đan T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Bùi Đan T phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Giấy nộp tiền ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Đầm Dơi cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau (anh T đã nộp xong). Án phí cấp dưỡng nuôi con anh T phải chịu 300.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4;
- Ủy ban nhân dân xã TH;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Quốc Trọng

